TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2018/HSST
Ngày: 28 – 3 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Thành

2. Ông Phạm Xuân Đính

-Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sách – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 99/2017/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/HSST-QĐ ngày 16/3/2018 đối với bị cáo:

ĐẶNG VĂN T, sinh năm 1997 tại Bình Phước; Tên gọi khác: T Ba Q; nơi cư trú: tổ A, ấp B, xã M , huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; con ông Đặng Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị Q; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: 01 (ngày 15/7/2016 bị TAND huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 15 tháng tù về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có") tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2017 đến nay. Bị cáo có mặt.

- **Bị hại:** Phùng Thị H, sinh năm 1993; Nơi cư trú: tổ A, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 18 tháng 9 năm 2017, Đặng Văn T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 93B1-198.35 lưu thông trên quốc lộ 13 hướng Chơn Thành đi Hớn Quản. Khi đến khu vực tổ A, ấp B, xã M, huyện C, T phát hiện chị Phùng Thị H đang điều khiển xe mô tô lưu thông cùng chiều phía trước, trong túi quần bên trái của chị H để 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên để bán lấy tiền tiêu xài nên tăng tốc xe rồi áp sát phía bên trái xe của chị H, dùng tay phải giật chiếc điện thoại trên rồi nhanh chóng tẩu thoát. Chị H đuổi theo và tri hô. Lúc này, anh Trần Hoài Th cùng người dân truy đuổi đến Khu công nghiệp Minh Hưng III thì bắt giữ được T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 101 ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chơn Thành xác định điện thoại di động Oppo Fs1 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 3.000.000 đồng.

Quá trình điều tra thu giữ: 01 điện thoại di động Oppo F1s, màu hồng là tài sản của chị Phùng Thị H; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamha Sirius, biển số 93B1-198.35 màu đen-xám là tài sản hợp pháp của bà Lương Thị Q, bà Q không biết T sử dụng vào mục đích phạm tội; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu hồng, bị bể màn hình; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu hồng, có ốp lưng màu đen là tài sản của Đặng Văn T, T không sử dụng vào mục đích phạm tội.

Bản cáo trạng số 99/Ctr-VKS ngày 24/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã bị kết án về hành vi " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội mới nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự " Tái phạm". Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án từ 36 tháng đến 38 tháng tù.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố và không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận nên kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại Phùng Thị H vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của người bị hại không trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cũng như phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, Đặng Văn T điều khiển xe mô tô 93B1-198.35 lưu thông trên đường quốc lộ 13 đến ấp A, xã M, huyện C thì phát hiện chị Phùng Thị H đang điều khiển xe môtô đi phía trước có 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S, màu hồng để bên túi quần bên trái, T áp sát xe chị H, rồi giật lấy điện thoại trên. Sau đó, T nhanh chóng tẩu thoát. Trị giá 01 điện thoại T chiếm đoạt là 3.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản". Bị cáo điều khiển xe mô tô là phương tiện nguy hiểm để cướp giật tài sản của người khác cũng đang điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường, vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết định khung "dùng thủ đoạn nguy hiểm". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã sữa đổi bổ sung năm 2009.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác đồng thời gây mất an ninh trật tự địa phương, vi phạm nghiêm trọng về đạo đức, lối sống. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Do đó, Cáo trạng số 99/Ctr-VKS ngày 24/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo về tội "Cướp giật tài sản"là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 15/7/2016 bị TAND huyện Chơn Thành xử phạt 15 tháng tù về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại phạm tội mới. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng

năng trách nhiệm hình sự là " tái phạm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sữa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng"*. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng: 01 điện thoại di động Oppo F1s, màu hồng là tài sản của chị Phùng Thị H; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamha Sirius, biển số 93B1-198.35 màu đen-xám là tài sản hợp pháp của bà Lương Thị Q, bà Q không biết T sử dụng vào mục đích phạm tội. Sau khi làm rõ nội dung vụ án, Cơ quan tố tụng đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 02 điện thoại di động: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu hồng, bị bể màn hình; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu hồng, có ốp lưng màu đen là tài sản của Đặng Văn T không sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố bị cáo **Đặng Văn T** phạm tội **"Cướp giật tài sản".**

2. Xử phạt bị cáo **Đặng Văn T 03 (Ba) năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2017.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Trả lại cho Đặng Văn T 02 điện thoại di động: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu hồng, bị bể màn hình; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu hồng, có ốp lưng màu đen.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Thảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- CA huyện Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.